

Số: 1857 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 09 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 483/TTr-SNN ngày 18/9/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố 01 danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường (*cấp tỉnh*) thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(Có Phụ lục I kèm theo)*

**Điều 2.** Phê duyệt 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(Có phụ lục II kèm theo)*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tù(20b).



**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Quốc Khánh**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**CẤP TỈNH: 01** Thủ tục hành chính (TTHC)

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (đồng)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	-Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 24 ngày làm việc. -Trường hợp bổ sung, sửa đổi hồ sơ: 48 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**Phụ lục II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
*(Kèm theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Tên TTHC:** Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao

- Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

+ Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. (Tổ chức đầu mỗi vùng có thể tham khảo mẫu đơn đề nghị (B1.ĐCN-BNN) và thuyết minh vùng (B2.TMV-BNN) được ban hành tại Công văn số 2613/BNNKHCV ngày 04/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg)

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ (01 bộ hồ sơ gốc và 09 bộ hồ sơ bản sao).

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày làm việc

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 24 ngày làm việc

- Thời gian cắt giảm: 6 ngày (20%)

- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn ( <i>scan hồ sơ</i> )	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho	2,5 ngày

			tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính hợp lệ của hồ sơ	
		Lãnh đạo phòng phòng KHTC	Ý kiến xét trình duyệt	¼ ngày
B4	Văn bản yêu cầu, bổ sung hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	¼ ngày
B5	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐĐ	10 ngày
B6	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng Đ	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo các Văn bản ( <i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định công nhận</i> )	04 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	¼ ngày
B7	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày
B8	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Văn phòng Sở ( <i>Bộ phận văn thư</i> )	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình</i> )	¼ ngày
B9	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông ( <i>scan</i> )	¼ ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	0 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>24 ngày</b>

b) Trường hợp phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 65 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 48 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 17 ngày (26%)
- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn ( <i>scan hồ sơ</i> )	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng KHTC tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng KHTC	Xem xét, kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về tính hợp lệ của hồ sơ	2,5 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét trình duyệt	¼ ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	¼ ngày
B5	Xem xét, bổ sung hồ sơ	Tổ chức, đầu mối vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Hồ sơ hoàn thiện	24 ngày
B6	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐĐ	10 ngày
B7	Văn phòng Sở tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng Đ	Chuyên viên phòng KHTC	Dự thảo các Văn bản ( <i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định công nhận</i> )	04 ngày
		Lãnh đạo phòng KHTC	Ý kiến xét duyệt	¼ ngày
B8	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	¼ ngày

B9	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Văn phòng Sở ( <i>Bộ phận Văn thư</i> )	Văn bản phát hành ( <i>Tờ trình</i> )	¼ ngày
B10	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông ( <i>scan</i> )	¼ ngày
B11	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )	0 ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>				<b>48 ngày</b>